TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167**/2019/DS - PT
Ngày: 25 - 9 - 2019
V/v "*Đòi tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và chia tài sản chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLPT-DS ngày 21/12/2018 về *"Đòi tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và chia tài sản chung"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1173/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị T**; Địa chỉ: 14532 Stahnsdorf Germany (Đức). Có mặt

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức Th**, sinh năm 1959; địa chỉ: xã H1, huyện H2, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên lạc: 117 đường A, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

**** Bị đơn:*** Ông **Đỗ Q;** Địa chỉ: 14974 Ludwigsfelder OT Siethen Germany (Đức). Địa chỉ tạm trú: Số 72 đường N1, Thành phố N2, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông **Lê Đình C**, sinh năm 1992; địa chỉ; Thôn Đ, xã D, huyện D1, tỉnh Khánh Hòa (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 12/09/2018 tại Văn phòng công chứng HP). Có mặt

- Ông **Nguyễn Đình D**; Địa chỉ: số nhà 19, ngách 41, ngõ 401, phường C1, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng H**, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ: 25B/A6 đường H2, phường H3, Thành phố N2, Khánh Hòa. Có mặt

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Nguyễn Mạnh Th1**; Địa chỉ: C3.5 (tầng 3-5) chung cư V, phường V, Thành phố N2, Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại giai đoạn xét xử sơ thẩm – ông Nguyễn Tăng S; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Lê Đình C.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Tăng S trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Q kết hôn năm 2011 tại Đại sứ quán Berlin - Cộng hòa Liên Bang Đức. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên từ tháng 01/2016 hai người đã chính thức sống ly thân. Ngày 16/3/2017, bà T và ông Q đã được Tòa Hôn nhân - gia đình Tòa án Potsdam (Đức) xét xử cho ly hôn bằng Bản án số hiệu 26/17. Năm 2015, bà T có về Việt Nam thăm gia đình, thời điểm này ông Th1 (cha bà T) mới bán căn nhà số 91 đường Tr, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa (là tài sản riêng của ông Th1). Ông Th1 có ý định mua một căn nhà để ở nên bà T có nói ông Th1 chuyển số tiền bán nhà trên để bà T mượn rồi bà T sẽ tìm nhà mua cho ông Th1. Ngày 27/7/2015, ông Th1 chuyển cho bà T số tiền 76.300 Euro với mục đích để nhờ bà T tìm mua nhà. Bà T đã rút toàn bộ số tiền 76.300 Euro và bỏ thêm 4.000 Euro để mở thẻ tiết kiệm với số tiền 80.300 Euro tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Ngày 16/02/2016, bà T về Việt Nam và ký hợp đồng nhận chuyển nhượng lô đất

NV16-03 tại Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa của ông Trần Anh T2 và bà Lê Thị Nh. Bà T đã trực tiếp giao cho ông T2 và bà Nh số tiền chuyển nhượng là 1.400.000.000 đồng *(một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).* Ngày 02/5/2017, bà T đứng tên ký hợp đồng thiết kế và thi công nhà ở với Công ty TNHH kiến trúc và xây dựng 5D để xây nhà trên lô đất đã mua.

Tại thời điểm xây dựng nhà, do bà T đang sống tại Đức (giữa bà T và ông Q đã sống ly thân, chờ đủ thời gian để ra tòa ly hôn theo luật pháp nước Đức) bản thân ông Q đang có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác nên ông Q thường xuyên về Việt Nam và ở tại Thành phố N2. Biết bà T đang có ý định xây nhà, ông Q có nói với bà T là sẽ giúp đỡ bà T trông coi, quản lý trong quá trình xây dựng nhà, bà T đã đồng ý. Bà T ủy quyền cho ông Q rút số tiền 80.300 Euro tại Ngân hàng để lo chi phí xây dựng nhà. Ngoài ra, ngày 29/7/2016, bà T còn chuyển khoản cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng chẵn)* với mục đích nhờ ông Q chi phí hoàn thiện nhà.

Sau khi xây nhà xong, ông Q ngang nhiên đưa người phụ nữ khác về sống tại căn nhà trên, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Q phải trả toàn bộ nhà, đất cho bà T nhưng ông Q không đồng ý và cố tình chiếm đoạt. Hiện nay ông Q đang sống tại Đức. Nhà, đất trên trước đây ông Th1 (cha bà T) ở và quản lý, sau đó, ông Q về chiếm nhà và khóa cửa không cho ông Th1 ở.

Bà T khẳng định nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà T bởi tài sản này được hình thành trong thời kỳ bà T và ông Q đã sống ly thân. Theo luật pháp nước Đức quy định trong thời gian sống ly thân, tài sản do ai tạo lập thì thuộc sở hữu riêng của người đó. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa thuộc quyền sở hữu riêng của bà T và buộc ông Q phải trả lại tài sản trên cho bà T.

- Đối với các nội dung yêu cầu phản tố của ông Q, bà T và đại diện theo ủy quyền của bà T có ý kiến như sau:

+ Đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa: Bà T không chấp nhận chia vì đó là tài sản riêng của bà T hình thành trong thời gian bà T và ông Q đã sống ly thân. Hơn nữa, tiền xây nhà phần lớn là tiền của ông Th1 (cha bà T) chuyển nhờ mua nhà là 76.300 Euro.

+ Đối với yêu cầu chia tiền bán chiếc xe ô tô hiệu Camry biển kiểm soát 79A- 107.15 là 200.000.000 đồng: Bà T không chấp nhận vì trong thời kỳ hôn

nhân bà T và ông Q đã mua 02 chiếc xe Camry, bà T sử dụng 01 chiếc màu đồng, ông Q sử dụng một chiếc màu đen, nhưng ông Q đã thủ đoạn tính toán để chiếc xe của ông Q cho bạn ông đứng tên, thực tế ông Q vẫn sử dụng. Ngày 17/01/2017, tại Văn phòng công chứng TT, bà T đã phải đưa cho ông Q một số tiền để ông Q ký vào Hợp đồng ủy quyền cho bà T được toàn quyền định đoạt chiếc xe ô tô Camry biển kiểm soát 79A-107.15, cụ thể: được nhận và sử dụng số tiền mua bán chiếc xe trên. Như vậy, số tiền bán xe không phải là tài sản chung của bà với ông Q.

+ Đối với yêu cầu chia số tiền tiết kiệm 20.000 Euro: Đây là chế độ "tiền trẻ con" do Nhà nước Đức cấp cho bà T mỗi tháng 813 Euro và tiền trợ cấp khi bà T sinh đứa con thứ 4, kể từ ngày 21/11/2014 (mỗi tháng là 1.980 Euro và trợ cấp trong thời gian 12 tháng). Bà T đã gửi tiết kiệm để nuôi con. Đây không phải là tài sản chung do ông Q và bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên bà T không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Q về việc chia số tiền này.

+ Đối với yêu cầu chia khoản tiền 3,5 tỷ đồng trong 03 thẻ tiết kiệm do bà T đứng tên gửi vào ngày 15/2/2016: Bà T không đồng ý chia bởi: Vào đầu năm 2016, ông Q và bà T có bán nhà, đất là tài sản chung vợ chồng tại khu đô thị TM thuộc Công ty cổ phần HĐ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm bán nhà do bà T đang nuôi con nhỏ tại Đức nên bà T ủy quyền cho ông Q đại diện đứng ra bán tài sản trên, ông Q đã bán nhà, đất được hơn 10 tỷ đồng (bà T và ông Q mỗi người được hưởng 1/2 là 5 tỷ đồng). Sau khi bán, ông Q đã yêu cầu người mua nhà (bà Th1) chuyển vào tài khoản của bà T số tiền 3,2 tỷ đồng vào ngày 19/01/2016, số tiền còn lại ông Q lấy toàn bộ chuyển cho chị gái ông Q ở Hải Dương. Ngày 15/2/2016, bà T đã rút toàn bộ số tiền 3,2 tỷ đồng nêu trên và bỏ thêm 300.000.000 đồng mở ba sổ tiết kiệm với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng đứng tên bà T. Như vậy, khoản tiền 3,5 tỷ đồng là phần tài sản riêng bà T nên bà T không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Q về việc đòi chia khoản tiền này. Hiện nay toàn bộ số tiền này bà T đã rút hết để chi một phần trả tiền mua đất là 1,4 tỷ đồng tại Khu đô thị PL, một phần đưa cho ông Q chi phí trong quá trình hoàn thiện nhà tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Đỗ Q trình bày:*

Ông Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà T. số tiền xây nhà 80.300 Euro mà bà T đã ủy quyền cho ông giao dịch với ngân hàng và ông đã rút toàn bộ để

chi phí việc xây nhà là tài sản chung của ông và bà T, không phải tiền của ông Th1. Mặt khác, ông là người trực tiếp ký hợp đồng thiết kế bản vẽ và thi công nhà ở, là người quản lý việc xây dựng nhà, mua thiết bị nội thất từ khi khởi công xây dựng nhà cho đến khi hoàn thành. Do đó, nhà, đất trên là tài sản chung của ông và bà T trong thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản riêng của bà T.

Ngày 20/3/2018, ông Q có đơn phản tố với các nội dung sau:

+ Yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 Hợp đồng ủy quyền số 7877 ngày 15/5/2017 và số 27.015 ngày 06/11/2017 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tăng S do Văn phòng công chứng HL1 chứng nhận với lý do tại thời điểm công chứng, bà T đã thôi quốc tịch Việt Nam, nhưng Văn phòng Công chứng HL1 vẫn sử dụng giấy tờ tùy thân của bà T (giấy chứng minh nhân dân) không còn giá trị để chứng nhận.

+ Yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Nhà, đất tại NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa: ông Q yêu cầu chia đôi giá trị tài sản, ông xin được nhận nhà và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho bà T.

- Số tiền 3,5 tỷ đồng trong 03 thẻ tiết kiệm đứng tên bà T tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Thành phố N2 (trong đó có 3,2 tỷ đồng là tiền bán nhà tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh do bà Thủy người mua nhà đã chuyển vào tài khoản của bà T tại Ngân hàng VCB Hải Dương).

- Số tiền 20.000 Euro trong sổ tiết kiệm đứng tên bà T.

- Số tiền bán xe Toyota hiệu Camry biển kiểm soát 79A-107.15 là 200.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Mạnh Th1 trình bày:

Khoảng năm 2015, ông bán căn nhà tại 91 đường Tr, Thành phố N2 là tài sản riêng của ông với dự định mua một căn nhà nhỏ khác để ở. Thời điểm này bà T (con gái ông) có về Việt Nam và nói ông chuyển tiền bán nhà để bà T tìm mua nhà giúp. Do đó, ngày 15/7/2015 ông đã chuyển cho bà T 76.300 Euro từ tài khoản của ông sang tài khoản của bà T. Đầu năm 2016, bà T có báo với ông là bà T đã mua một lô đất tại Khu đô thị PL, Thành phố N2 để xây nhà. Sau khi xây nhà xong không hiểu sao mà ông Q (chồng bà T) lại tranh chấp đối với căn nhà này. Việc ông Q cho rằng đây là tài sản chung của ông Q và bà T là không đúng vì tiền mua đất là tiền riêng của bà T, tiền xây dựng nhà trong đó có khoản tiền 76.300 Euro là tiền của ông. Do đó, ông Th1 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Q phải giao trả lại nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa cho bà T. Đối với khoản tiền 76.300 Euro mà ông đã chuyển cho bà T để xây nhà thì ông và bà T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch năm 2008.

Căn cứ khoản 2 Điều 7, khoản 1 điểm b, khoản 2 Điều 8 Luật nhà ở năm 2014.

Căn cứ khoản 3 Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc "Đòi tài sản" là nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2 đối với bị đơn ông Đỗ Q.

2. Xác định một phần giá trị nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là 1.299.040.000 đồng (*một tỷ hai trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Q về việc yêu cầu chia tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân là nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa. Ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T mỗi người được hưởng giá trị tài sản chung đối với nhà, đất tại lô NV16- 03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là: 649.520.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đỗ Q về việc chia tài sản chung đối với số tiền 1.800.000.000 đồng (là số tiền còn lại trong 03 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng do bà Nguyễn Thị T đứng tên gửi ngày 15/02/2016 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Khánh Hòa sau khi trừ số tiền bà Nguyễn Thị T chi trả chuyển nhượng đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là 1,4 tỷ đồng và 300.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T đã chuyển cho ông Đỗ Q). Ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T mỗi người được chia 900.000.000 đồng.

5. Giao cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Buộc ông Đỗ Q phải giao toàn bộ nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị T.

6. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Q số tiền 1.549.520.000 đồng (trong đó: tiền giá trị nhà, đất là 649.520.000 đồng; tiền tiết kiệm 900.000.000 đồng).

7. Đối với khoản tiền 76.300 Euro (tương đương với số tiền: 2.060.100.000 đồng, tỷ giá 1 Euro = 27.000 đồng tại thời điểm xét xử) của ông Nguyễn Mạnh Th1 đóng góp vào việc xây nhà tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa: Ông Nguyễn Mạnh Th1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với khoản tiền này.

8. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Q về việc yêu cầu chia tài sản chung khoản tiền bán xe ô tô biển kiểm soát 79A-107.15 là 200.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm 20.000 Euro (tương đương 540.000.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí đo vẽ, định giá tài sản và ủy thác tư pháp; về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

1. Ngày 28/9/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại căn nhà tại PL và số tiền 3,5 tỉ đồng. Riêng bị đơn kháng cáo hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Ngày 12 tháng 10 năm 2018, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: xem xét số tiền 3,5 tỷ đồng trong ba sổ tiết kiệm. Nguồn tiền mua đất 1,4 tỷ đồng và làm nhà 80.300 Euro, cha tôi Nguyễn Mạnh Th1 cho mượn 76.300 Euro để mua đất tại lô NV 16- 03 tại Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa, vì vậy, đó là tài sản riêng của tôi, xe Camry tôi đứng tên mua khoảng 2 tỷ đồng trong số tiền 5 tỷ đồng. Ông Q đã có hợp đồng ủy quyền tôi được quyền định đoạt. Ngoài ra tôi có gửi 20.000 Euro tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là tiền nhà nước Đức trợ cấp nuôi đứa con thứ 4 trong vòng 12 tháng, kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 mỗi tháng 1.980 Euro nên số tiền này không thể chia.

Tại phiên tòa, bà T cung cấp thêm tài liệu chứng minh thu nhập chính của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, các chi phí đi lại thường xuyên từ Đức về Việt Nam và ngược lại cũng như tiền thuê nhà chi phí học tập cho con tại Việt Nam. Lỗi dẫn đến việc ly hôn là do ông Đỗ Q thiếu trách nhiệm. Hiện bà đang nuôi 4 con chung và đề nghị Tòa xem xét công sức và tỉ lệ đóng góp hình thành tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra số tiền 3,5 tỷ đồng nhận từ nguồn bán tài sản chung đến thời tranh chấp không còn đã chi phí vào việc chung và đề nghị Tòa xác minh thẩm định giá thị trường tại thời điểm bán nhà vào năm 2016, tại khu đô thị TM thuộc Công ty cổ phần HĐ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh để có cơ sở giải quyết vụ án mới bảo đảm quyền lợi cho các bên.

3. Ngày 28 tháng 9 năm 2018, ông Đỗ Q kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm:

3.1. Chia tài sản chung là ngôi nhà và các khoản tiền và tài sản bà T đang quản lý, tính đến tháng 5-2016 đã nêu trong đơn phản tố và bản tự khai là tài sản trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: 20.000 Euro; 3,5 tỷ đồng và số tiền bán xe Camry. Ngoài ra, không có nguồn tiền nào liên quan đến việc mua đất làm nhà là của ông Th1 cha bà T.

3.2. Yêu cầu tuyên bố Hủy hợp đồng ủy quyền công chứng được giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Mạnh Th1 vô hiệu.

3.3. Tôi đã có đơn xin vắng mặt và đề nghị hoãn phiên tòa đồng thời yêu cầu thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, như chưa định giá chính xác tài sản đang tranh chấp nhưng Tòa không chấp nhận.

3.4. Dù bà T đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng vẫn sử dụng chứng minh nhân dân không còn giá trị lập các hợp đồng công chứng mua đất và cố tình khai báo không đúng sự thật về tình trạng hôn nhân.

4. Ngày 28/9/2018 Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị số 1266/QĐKNPT-DS ngày 28/9/2018 đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần giải quyết chia nhà đất tại khu đô thị PL và số tiền 3.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đình D đề nghị bổ sung kháng cáo với nội dung xin được nhận nhà, đất đang tranh chấp đất tại lô NV 16- 03 tại Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung, căn cứ Điều 306, khoản 3 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án sơ thẩm xét xử vào các ngày 6, 11 và 14 tháng 9 năm 2018. Ngày 12 nghị án, ngày 13 tiến hành xác minh nhưng không trở lại phần xét hỏi và tranh luận để làm rõ một số tài liệu xác minh có sau nghị án là sai sót về tố tụng theo quy định tại Điều 264, 265 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, tài liệu xác minh đưa vào nhận định trong bản án không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, đối với các nội dung yêu cầu của ông Q chỉ đơn thuần là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm xác định yêu cầu độc lập và phản tố để bù trừ nghĩa vụ là không đúng tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

[1.2] Ông Q, bà T đã được Tòa Hôn nhân - Gia đình Tòa án Potsdam (Đức) xét xử cho ly hôn. Bản án số hiệu 26/17 đương nhiên được công nhận tại Việt Nam theo quy định tại điều 431 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung vụ án, kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKS thì thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Q kết hôn năm 2011 tại Đại sứ quán Berlin - Cộng hòa Liên Bang Đức. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên từ tháng 01/2016 sống ly thân đến ngày 16/3/2017, được Tòa Hôn nhân - Gia đình Tòa án Potsdam (Đức) xét xử cho ly hôn bằng Bản án số hiệu 26/17.

[2.1] Ngày 16/02/2016 bà T về Việt Nam và trực tiếp ký hợp đồng nhận chuyển nhượng lô đất NV16-03 tại Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa và đã giao đủ tiền cho ông Trần Anh Tài và bà Lê Thị Nhung với giá 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn). Tháng 4/2016, bà T ông Q ký hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế bản vẽ thi công ngôi nhà nêu trên. Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bà T thì ngoài số tiền riêng mua đất (1,4 tỷ đồng) ngày 27/7/2015 bà T mượn của ông Nguyễn Mạnh Th1 76.300 Euro và bỏ thêm 4.000 Euro để mở thẻ tiết kiệm với số tiền 80.300 Euro tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và cùng ngày 27/7/2015 bà đã chuyển toàn bộ số tiền này cho ông Q sử dụng để xây dựng nhà và ông Q trực tiếp giúp bà trông coi quản lý xây dựng nhà tại Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Nhưng ông Q cho rằng, tổng số tiền xây nhà

80.300 Euro do bà T ủy quyền ông đã rút để chi phí xây nhà là tài sản chung của ông và bà T chứ không phải tiền mượn của ông Th1 nhưng không có tài liệu gì để chứng minh.

[2.2] Như vậy cấp sơ thẩm xác định nhà đất NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân là đúng pháp luật. Bởi vì, ngày 16/02/2016 bà T nhận chuyển nhượng lô đất NV16-03, ngày 16/3/2017 thì Quảng -Tâm mới ly hôn. Tuy nhiên, có khoản tiền bà T mượn 76.300 Euro (tương đương với 2.060.100.000 đồng Việt Nam) của ông Đỗ Mạnh Th1 nên cấp sơ thẩm đã khấu trừ trước khi chia tài sản chung cũng phù hợp.

[2.3] Về giá trị tài sản chung, nhà và đất ở tại NV16-03 Khu đô thị PL: Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản ngày 27/8/2018 nhà đất NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa có tổng giá trị là 3.359.140.305 đồng (làm tròn 3.359.140.000 đồng) sau khi trừ đi số tiền riêng của ông Th1 76.300 Euro (tương đương với 2.060.100.000 đồng) số tiền còn lại 1.299.040.305 đồng, chia đôi cho mỗi người được hưởng là: 649.520.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đòi lại tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T là có căn cứ.

[2.4] Về nhà ở, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T đều có nguyện vọng xin được nhận ngôi nhà nhưng xét thấy: Hiện nay ông Đỗ Q và bà T đều cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức, tuy nhiên căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của bà T hiện có bố Đỗ Mạnh Th1 già yếu đang sinh sống tại Thành phố N2 không có người chăm sóc và con đang theo học tại thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù bà T đã thôi quốc tịch Việt Nam, nhưng theo giấy xác nhận là người gốc Việt Nam số 21/2018 của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức và hộ chiếu được phép nhập cảnh vào Việt Nam thì bà T đủ điều kiện được sở hữu nhà tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 điều 7, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Nhà ở năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao toàn bộ tài sản là đất và ngôi nhà nêu trên cho bà T quản lý tiếp tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho ông Đỗ Q là phù hợp.

[3] Xét kháng nghị đối với số tiền 5,2 tỷ đồng trong đó có 3,2 tỷ đồng ông Q chuyển vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 và 2 tỷ đồng chuyển vào ngày 02 tháng 02 năm 2016. Bà T rút ra 3,2 tỷ tại Ngân hàng ACB chi nhánh Khánh Hòa theo 3 sổ tiết kiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2016, còn lại 1.7 tỷ đồng chưa làm rõ và ông Q có yêu cầu gì đối với số tiền này không? Ngoài ra số tiền 1,4 tỷ

đồng bà T cho rằng tài sản riêng thì phải chứng minh vì ông Q không thừa nhận, do vậy, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhà đất nêu trên khi chưa làm rõ các nội dung này là chưa vững chắc… HĐXX thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền 5.2 tỷ trong đó có 3.2 tỷ ông Q chuyển vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 và 2 tỷ đồng chuyển vào ngày 02 tháng 02 năm 2016. Ngày 15/02/2016, bà T đã rút toàn bộ số tiền 3,2 tỷ đồng nêu trên và bỏ thêm 300.000.000 đồng mở ba sổ tiết kiệm với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng đứng tên bà T tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Thành phố N2. Đây là tiền có nguồn gốc từ việc bán tài sản chung ngôi nhà tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Bà T thừa nhận rút 1,4 tỷ đồng trong tổng số tiền 5,2 tỷ để mua lô đất và 300.000.000 triệu đồng chuyển cho ông Q vào ngày 29/7/2016 để hoàn thiện nhà NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Tổng cộng hai khoản (1,4 tỷ đồng + 300.000.000 đồng) = 1,7 tỷ đồng. Đối với số tiền còn lại là 3,5 tỷ đồng tính đến tháng 5-2016, bà T đã rút vào ngày 31/7/2016 chi vào các khoản sinh hoạt gia đình đi lại từ Đức về Việt Nam và ngược lại nhiều lần trong các năm từ 2016-2018 và nuôi các con ăn học như: Chi phí tiền thuê chung cư tiền học phí cháu Nguyễn Julia đang học tại trường Quốc tế TP HCM trên 01 tỉ đồng trên một năm. Các khoản tiền nêu trên bà T đã rút hết vào ngày 31/7/2016 tại Ngân hàng Á Châu chi nhánh Khánh Hòa và đã chi phí hết. Đến thời điểm tranh chấp ngày 10/01/2018 không còn tiền trong tài khoản để chia. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ 1,4 tỷ đồng tiền mua đất và 300.000.000 đồng ông Q nhận còn lại mỗi người được chia 900.000.000 đồng là không đúng với thực tế nên cần chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T bác yêu cầu ông Q sửa án sơ thẩm đối với các khoản tiền nêu trên.

[3.2] Đối với xe Toyota hiệu Camry biển kiểm soát 79A-107.15 (trị giá 1.700.000.000 đồng) đã bán 200.000.000 đồng, là tài sản chung Quảng và bà T. Tuy nhiên, ngày 17/01/2017 các bên đã ký hợp đồng ủy quyền cho bà T được toàn quyền định đoạt mua bán xe ô tô Camry biển kiểm soát 79A-107.15 tại Văn phòng công chứng TT và ông Đỗ Q đã cam kết không khiếu nại tố cáo nội dung trên và thực tế bà T đã bán, đã sử dụng hết số tiền trên là quyền về tài sản riêng được định đoạt theo thỏa thuận không trái pháp luật cần công nhận.

[3.3] Đối với số tiền 80.300 Euro, theo văn bản ngày 10/9/2018 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa xác nhận: Ngày 27/7/2015 ông Nguyễn Mạnh Th1 đã rút tiền chuyển cho con gái Nguyễn Thị T và cùng ngày bà T gửi Ngân hàng 80.300 Euro trong đó tiền bà T 4.000 Euro.

Đến ngày 27/7/2015 bà T ủy quyền cho ông Q rút toàn bộ số tiền 80.300 Euro. Ông Q thừa nhận rút ra từ tài khoản tiết kiệm của bà T để xây dựng nhà thì có 76.300 Euro tương đương với 2.060.000.000 đồng bà T chứng minh được ông Th1 cho Tâm mượn. Ông Th1, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà T phải có nghĩa vụ trả nợ riêng chứ không phải nghĩa vụ chung của vợ chồng nhưng cấp sơ thẩm đã trừ ra 76.000 Euro vào giá trị nhà đất là tài sản chung, sau đó mới chia tỉ lệ ½ là chưa phù hợp, lẽ ra khi giải quyết tranh chấp tài sản ngôi nhà cần xác định tỉ lệ thực tế và công sức đóng góp làm cơ sở giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ nợ của ông Th1 giao cho bà T trước khi chia là chưa phù hợp nhưng vẫn đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của các bên nên không cần thiết phải cải sửa.

[3.4] Đối với số tiền 20.000 Euro trong sổ tiết kiệm đứng tên bà T tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Theo quy định tại Điều 9 Nghị Định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ. Đây là khoản thu nhập hợp pháp khác của vợ trong thời kỳ hôn nhân, là tiền nhà nước Đức trợ cấp nuôi đứa con thứ 4 trong vòng 12 tháng, kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 mỗi tháng 1.980 Euro nên số tiền này giao cho bà T để nuôi con chung là phù hợp với pháp luật và đạo đức truyền thống người Việt Nam.

[4] Yêu cầu tuyên bố hủy bỏ hai Hợp đồng ủy quyền công chứng được ký giữa bà T và ông S đã được hủy bỏ vào ngày 06/11/2017 và ngày 20/7/2018. Do đối tượng khởi kiện không còn, Tòa án cấp sơ thẩm không xét là có cơ sở nên cấp phúc thẩm không đề cập.

[4.1] Ngoài ra, tại Kháng nghị số 1266/QĐKNPT-DS ngày 28/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/5/2019 ông Đỗ Q yêu cầu hoãn phiên tòa và định giá các tài sản chưa định giá bao gồm: 01 sân lát đá granite, diện tích 25,98 m^2; 01 hồ nước xây bằng gạch, ốp đá granite cao 0,53m, diện tích 10,7 m^2 và 01 bồn hoa xây bằng gạch, ốp đá granite cao 0,32m, dài 4,7m tại nhà, đất NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa cần phải định giá lại. Ngày 6/6/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ra Quyết định số 13/2019/QĐ-UTTA ủy thác cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ định giá theo yêu cầu của ông Đỗ Q. Tuy nhiên, vào ngày 5/7/2019 ông Q và người đại diện không có mặt. Theo ông Lê Đình C, ông Q giữ chìa khóa nhà, nên HĐĐG không tiến hành định giá được. Nên HĐXX phúc thẩm tách yêu cầu định giá các tài sản nêu trên, khi có yêu cầu khởi kiện xử lý thành vụ kiện độc lập. Ngày 3/9/2019 ông Lê Đình C

người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Q, tiếp tục có đơn yêu cầu định giá lại toàn bộ tài sản với lý do giá tài sản không còn phù hợp.

[4.2] Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án hai cấp nhiều lần phải hoãn phiên tòa theo yêu cầu phía bị đơn làm cho vụ án kéo dài, nay tiếp tục yêu cầu định giá lại không có lý do chính đáng vượt quá yêu cầu tại giai đoạn phúc thẩm nên HĐXX không chấp nhận.

[5] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung nên án phí sơ thẩm phải điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 27 NQ-QH/326;

- Án phí sơ thẩm ông Đỗ Q phải nộp giá trị nhà và đất được chia là: 649.520.000 đồng = (249.520.000đ + 4%) = 9.980.800đ + 20.000.000 đồng = 29.980.800đồng ông đã nộp 29.550.000đồng tại Biên lai thu AA/2016/0000496 và số AA/2016/0000497 cùng ngày 28/3/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; số tiền còn lại phải nộp 430.800 đồng.

- Án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 649.520.000đ đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu AA/2016/0000449 ngày 8/01/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; nay còn phải nộp 29.680.800đồng.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí phúc thẩm. Ông Đỗ Q phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch năm 2008.

Căn cứ khoản 2 Điều 7, khoản 1 điểm b, khoản 2 Điều 8 Luật Nhà ở năm 2014.

Căn cứ khoản 3 Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; sửa bản án sơ thẩm về phân chia tài sản chung, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Q và Kháng nghị của Viện kiểm sát về việc hủy một phần bản án.

2. Xác định một phần giá trị nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là 1.299.040.000 đồng (*một tỷ hai trăm chín mươi chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Q về việc chia tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân là nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, Thành phố N2, Khánh Hòa. Ông Đỗ Q và bà Nguyễn Thị T mỗi người được hưởng giá trị tài sản chung đối với nhà, đất tại lô NV16- 03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa là: 649.520.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Q về việc chia tài sản chung đối với số tiền 1.800.000.000 đồng (là số tiền còn lại trong 03 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 3,5 tỷ đồng do bà Nguyễn Thị T đứng tên gửi ngày 15/02/2016 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Khánh Hòa).

5. Giao cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa. Buộc ông Đỗ Q phải giao toàn bộ nhà, đất tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị T.

6. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Q số tiền giá trị nhà, đất là 649.520.000 đồng;

7. Đối với khoản tiền 76.300 Euro (tương đương với số tiền: 2.060.100.000 đồng, tỷ giá 1 Euro = 27.000 đồng tại thời điểm xét xử) của ông Nguyễn Mạnh Th1 đóng góp vào việc xây nhà tại lô NV16-03 Khu đô thị PL, thành phố N2, tỉnh Khánh Hòa: Ông Nguyễn Mạnh Th1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với khoản tiền này.

8. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Q về việc chia tài sản chung khoản tiền bán xe ô tô biển kiểm soát 79A-107.15 là 200.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm 20.000 Euro (tương đương 540.000.000 đồng).

9. Về án phí:

- Án phí tranh chấp tài sản sơ thẩm: ông Q tiếp tục phải nộp 430.800 đồng. Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp 29.680.800 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Q phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000707 ngày 05/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000724 ngày 16/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn